

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ**
Số: 413 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đak Pơ, ngày 16 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 156/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11 về việc quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ, khóa III, kỳ họp thứ Sáu về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Đak Pơ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, chủ đầu tư tổ chức thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ
Số: 443/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đak Pơ ngày 16 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 156/2015/QĐ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X - kỳ họp thứ 11 về việc quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước cho các ngành, các cấp của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Đak Pơ, khóa III, kỳ họp thứ Sáu về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Đak Pơ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện (có điều chỉnh kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, chủ đầu tư tổ chức thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thuộc nguồn

vốn ngân sách huyện đã được giao; chịu trách nhiệm trước UBND huyện và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Phòng Tài chính Kế hoạch để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND huyện Đak Pơ đã ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *ch*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở KH&ĐT; Sở TC;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện (B/c);
- Lãnh đạo UB, VP;
- Lưu VT. *ch*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]

Nguyễn Trường



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 THUỘC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 13 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2017 của UBND huyện Đak Pơ)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư vốn NS huyện giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG			81.012,0	79.620,0		
I	Giao thông			18.594,8	18.412,0		
1	Đường khu quy hoạch dân cư trước Trường THPT Y Đôn	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 200 dày 200; Bn=5m; Bm=3m; chiều dài L=673m.	2016	1.620,0	1.600,0	BQL DA ĐTXD	
2	Đường số 17 - Đoạn từ đường số 3 đến đường vào làng Gliэк 1 (Đường Võ Nguyên Giáp)	Mặt đường BTXM đá 2x4 mác 250 dày 20cm; Bn=7m; Bm=5m; chiều dài L=1.010m.	2019- 2020	2.860,0	2.860,0	BQL DA ĐTXD	
3	Đường số 21	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=1.182m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019- 2020	3.690,0	3.690,0	BQL DA ĐTXD	
4	Đường số 22	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=995m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2018- 2019	2.995,0	2.995,0	BQL DA ĐTXD	
5	Đường số 5 nối dài (Đường Phạm Văn Đồng)	Mặt đường BT đá 2x4 mác 250 dày 20cm; L=855m; Bn=7,5m; Bm=6,0m	2019- 2020	2.679,0	2.679,0	BQL DA ĐTXD	
6	Đường trước Đền tưởng niệm và Tượng đài chiến thắng Đak Pơ	Tổng chiều dài tuyến, L=663,95m, nền đường Bn=5m, Bm=3m, mặt đường BTXM đá 2x4, mác 250 dày 20cm.	2017-	1.117,5	1.016,0	BQL DA ĐTXD	

S T T	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư vốn NS huyện giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
7	Đường liên thôn An Lợi đi An Phong, xã Phú An (02 giai đoạn)	Tổng chiều dài tuyến, L=1.613m, nền đường Bn=5m, mặt đường cấp phối đất đồi chọn lọc, Bm=5m.	2017- 2019	2.950,0	2.950,0	BQL DA ĐTXD	
8	Đường BTXM thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Tổng chiều dài tuyến, L=364,5m, nền đường Bn=5m, mặt đường BTXM đá 2x4, mức 250 dày 20cm.	2017	683,3	622,0	BQL DA ĐTXD	
II	Giáo dục và Đào tạo			33.165,8	32.651,0		
I	Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng	- Nhà đa năng: Cấp III, nhà 01 tầng, DTXD 518m²; - Nhà bếp, nhà ăn: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 188m²; - Nhà ở bán trú 5 phòng: Cấp IV, nhà 01 tầng, DTXD 125m²; - Kê đá + sân bê tông với diện tích 938m². - Sửa chữa, cải tạo nhà ở giáo viên: DTXD 122m².	2016	4.326,9	4.326,0	BQL DA ĐTXD	
3	Trường tiểu học Trần Phú	Nhà đa năng, DTXD: 532m ² ; nhà học bộ môn 03 phòng, DTXD: 216m ²	2020	3.800,0	3.800,0	BQL DA ĐTXD	
4	Trường tiểu học Đổng Đa	Nhà đa năng, DTXD: 431m ² và các hạng mục phụ	2018	2.500,0	2.500,0	BQL DA ĐTXD	
5	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà thể thao đa năng, cấp II, 01 tầng, DTXD: 532m ² ; các hạng mục phụ	2017	2.888,7	2.627,0	BQL DA ĐTXD	
7	Trường tiểu học Trần Quang Khải	Nhà đa năng, DTXD: 523m ² và các hạng mục phụ	2018	3.000,0	3.000,0	BQL DA ĐTXD	
8	Trường tiểu học Ngô Quyền	Nhà học 04 phòng; DTXD: 312m ² và các hạng mục phụ	2020	1.720,0	1.548,0	BQL DA ĐTXD	

S T T	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư vốn NS huyện giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
9	Trường Trường mẫu giáo Tuổi Thơ (điểm trường thôn An Định)	Nhà học 01 phòng, DTXD: 81,55m ² ; các hạng mục phụ.	2017	497,1	452,0	BQL DA ĐTXD	
10	Trường tiểu học Trần Phú	Các hạng mục phụ: Nhà vệ sinh, giếng nước, sân bê tông	2017	404,0	368,0	BQL DA ĐTXD	
11	Trường mẫu giáo Hoa Mĩ	Nhà giáo dục thể chất, hiệu bộ: cấp IV, 01 tầng, DTXD 155,4m ² ; cải tạo nhà ăn + bếp	2019- 2020	1.210,0	1.210,0	BQL DA ĐTXD	
12	Trường mẫu giáo Hoa Pơ Lang	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m ² ;	2019- 2020	910,0	910,0	BQL DA ĐTXD	
13	Trường mẫu giáo Hoa Mai	Nhà giáo dục thể chất, tin học: cấp IV, 01 tầng, DTXD 124,3m ² ;	2019- 2020	910,0	910,0	BQL DA ĐTXD	
14	Trường TH và THCS Kim Đồng	Nhà học bộ môn	2019- 2020	3.000,0	3.000,0	BQL DA ĐTXD	
16	Trường TH và THCS Lương Thế Vinh	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa	2019- 2020	4.000,0	4.000,0	BQL DA ĐTXD	
15	Trường TH và THCS Đào Duy Từ	Nhà học bộ môn; tin học, nhạc họa, thư viện	2019- 2020	4.000,0	4.000,0	BQL DA ĐTXD	
IV	Các công trình khác			17.447,4	16.753,0		
1	Trụ sở xã Ya Hội	- Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 231,6m ² ; - Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 87,75m ² ; - Sân bê tông.	2016	1.950,1	1.950,0	BQL DA ĐTXD	

S T T	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư vốn NS huyện giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
2	Trụ sở xã Hà Tam	Nhà làm việc công an, xã đội: Cấp IV, 01 tầng, DTXD 97,5m ² ;	2016	393,2	390,0	BQL DA ĐTXD	
3	Trụ sở Huyện ủy	Nhà làm việc các Ban Đảng: Cấp III, 02 tầng, DTXD 248,92m ² ; cầu nối và các hạng mục phụ	2016	2.746,9	2.545,0	BQL DA ĐTXD	
4	Trụ sở Ủy ban Mặt trận huyện	Hội trường: Nhà Cấp III, 01 tầng, DTXD 344m ² và các hạng mục phụ	2017	2.441,1	2.220,0	BQL DA ĐTXD	
5	Trụ sở HĐND và UBND xã Cư An	Hội trường và nhà làm việc khối đoàn thể; Công an, Xã đội: Nhà cấp III, 02 tầng, DTXD 267,92m ² ; các hạng mục phụ	2017	2.901,1	2.638,0	BQL DA ĐTXD	
6	Cải tạo, mở rộng mạng cấp nước sinh hoạt thị trấn Đak Pơ	Tổng chiều dài tuyến ống chính L=2.965m. Trong đó: Ống PVC D160 dày 6,2mm, L=1.825m; ống PVC D114 dày 5mm, L=1.140m.	2016	1.774,3	1.770,0	BQL DA ĐTXD	
7	Sân Vận động	Mặt sân, hệ thống thoát nước	2019- 2020	500,0	500,0	BQL DA ĐTXD	
8	Đền tưởng niệm và Tượng đài chiến thắng Đak Pơ	Nhà quản lý, khuôn viên	2018- 2019	2.240,0	2.240,0	BQL DA ĐTXD	
9	Sân nền các khu quy hoạch dân cư.	Diện tích san nền: 125.000,0m ² .	2019- 2020	1.700,0	1.700,0	BQL DA ĐTXD	
10	Sân nền khu dân cư đường số 22 - Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Nguyễn Tất Thành	Diện tích san nền: 1,7475 ha.	2016	560,3	560,0	BQL DA ĐTXD	
11	Sân nền khu dân cư đường Lê Lợi - Đoạn từ Quốc lộ 19 đến đường Võ Nguyên Giáp	Diện tích san nền: 0,448 ha.	2019- 2020	240,4	240,0	BQL DA ĐTXD	

S T T	Tên dự án	Quy mô, năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư vốn NS huyện giai đoạn 2016-2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
V	Chi đầu tư cho Khoa học công nghệ		2016- 2020	2.500,0	2.500,0	BQL DA ĐTXD	
VI	Chuẩn bị đầu tư các công trình 2016-2020		2016- 2020	4.571,0	4.571,0	BQL DA ĐTXD	
V	Dự phòng từ 10% trở lên (Dùng để bổ sung các dự án khẩn cấp, cần thiết mới phát sinh) - chỉ tính từ năm 2018-2020			4.733,0	4.733,0		

cu